



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

---***---

Số/No.: 12/2022/NQ-DHCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2022

Ho Chi Minh City, 25th April 2022**NGHỊ QUYẾT****RESOLUTION****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN XVIII - NĂM 2022****CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG COTECCONS****18TH ANNUAL GENERAL MEETING - 2022****COTECCONS CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
In pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly on 17th June 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
In pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly on 26th November 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Pursuant to the Government's Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31/12/2020 on detailing the implementation of some articles of the Law on Securities
- Căn cứ Điều Lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons (“Điều Lệ”);
Pursuant to the Charter of Coteccons Construction Joint Stock Company (“Charter”);
- Căn cứ Biên bản số 01/2022/BB-DHCD ngày 25/4/2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên lần XVIII - năm 2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons.
Pursuant to the 18th AGM Meeting Minutes of 2022 No. 01/2022/BB-DHCD dated 25th April 2022 of Coteccons Construction Joint Stock Company.

**QUYẾT NGHỊ****DECIDE****Điều 1: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát****Article 1: Approval of Regulations on the operation of the Supervisory Board**

ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (Dự thảo đính kèm).

AGM approved the Regulations on the operation of the Supervisory Board (Draft as attached)

Điều 2: Hiệu lực thi hành**Article 2: Effectiveness**

Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The English translation is for informational purposes only. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

This resolution is effective since the signing date.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên lần XVIII - năm 2022 nhất trí giao cho Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons tổ chức, điều hành Công ty thực hiện thành công các nội dung của Nghị quyết này.

The 18th Annual General Meeting - 2022 authorised the Board of Directors of Coteccons Construction Joint Stock Company to organise and manage the Company to carry out the contents of this Resolution.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
ON BEHALF OF PRESIDUM**

Chủ tịch

Chairman



BOLAT DUSENOV



Nội dung dịch sang tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The English translation is for informational purposes only. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

REGULATION ON THE ORGANIZATION AND OPERATION OF BOARD OF SUPERVISORS

- Căn cứ vào Luật Doanh Nghiệp/ *Pursuant to the Enterprise Law*;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây Dựng Coteccons/ *Pursuant to the Charter of Coteccons Construction Joint Stock Company*;
- Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons/ *Pursuant to the Regulation on the Governance of Coteccons Construction Joint Stock Company*;
- Căn cứ tình hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh của Công ty/ *According to the operating situation and business of the Company*;

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG/ CHAPTER I. GENERAL PROVISION

Điều 1. Mục đích/ Article 1. Purpose

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát được xây dựng và ban hành theo yêu cầu của pháp luật về quản trị Công ty cổ phần niêm yết theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, Quy chế được cân nhắc và áp dụng các thông lệ tốt nhất được chấp nhận rộng rãi trên thế giới về quản trị công ty phù hợp với điều kiện tại Việt Nam và bối cảnh của Công ty/ *The regulation on the organization and operation of Board of Supervisors is issued as required statutory regulations. Also, the regulation is considered and applied the world best generally-accepted governance practice and follows with the conditions in Vietnam and the Company's business.*

Quy chế này được ban hành nhằm/ *The purpose of this regulation includes:*

- Hướng dẫn, giải thích cụ thể hoá các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban kiểm soát/ *Guidling, explaining and detailing the obligations, rights, responsibilities of Board of Supervisors*;
- Thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của Ban kiểm soát/ *Estalishing behavior and ethichs standards of Board of Supervisors*;
- Quy định các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát khi tham gia vào quá trình quản trị của Công ty/ *Stipulating procedures and processes for the coordination of activities of Board of Supervisors when participating in the management process of the Company*

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng/ Article 2. Scope and regulated entities

Quy chế này áp dụng cho hoạt động của Ban kiểm soát và tất cả thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons/ *This Regulation applies for the operation of Board of Supervisors and all Board of Supervisor members of Coteccons Construction Joint Stock Company*

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt/ Article 3. Interpretation

- Công ty/ *Company* : Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons
- Quy chế này/ *This Regulation* : Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát/ *Regulation on the organization and operation of Board of Supervisors*
- ĐHĐCĐ/*GMOS* : Đại hội đồng Cổ đông/ *General Meeting of Shareholders*
- HĐQT/*BOD* : Hội đồng Quản trị/ *Board of Directors*
- BKS/*BOS* : Ban kiểm soát/ *Board of Supervisors*
- BTGD/*BOM* : Ban Tổng Giám đốc/ *Board of Management*
- KTNB/*IA* : Kiểm toán nội bộ/ *Internal Audit*
- KSNB/*IC* : Kiểm soát nội bộ/ *Internal Control*

CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC/ CHAPTER II. STRUCTURE

Điều 4. Thành phần và yêu cầu thành viên Ban kiểm soát/ Article 4. Structure and requirements of Board of Supervisors members

1. Số lượng thành viên BKS có 03 thành viên/ *BOS has 03 members.*

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau/ *Member of BOS must meet requirements and conditions as stipulated in Clause 1, Article 164 in the Enterprise Law and the Company's Charter. The details are as follows:*

- a) Chính trực/ *High integrity;*
- b) Phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên và không phải thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty/ *Must be an accountant or auditor and not be members or employees of the independent auditing company who is providing the audit service to the Company;*
- c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, con nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty/ *Not be a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, or siblings of any member of BOD, BOM and other senior executives of the Company;*
- d) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty/ *Not hold managerial positions of the Company; not necessarily be a shareholder or an employee of the Company.*

3. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp như sau/ *A member of BOS will no longer remain their BOS membership when:*

- a) Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Quy chế này hoặc Điều 33 của Điều lệ Công ty/ *The member no longer meets the requirements and conditions for being a BOS member as described in Clause 2, Article 4 of this Regulation or Article 33 of Charter of the Company;*
- b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận/ *The member resigns with a resignation letter sent to the Company's headquarters and approved by the Company;*
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự/ *The member is influenced by a mental disorder and other BOS member have enough professional evidence to prove that the member is not competent;*

d) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng/ *The member is absent from BOS meetings for a period of 06 consecutive months, except in cases of force majeure.*

4. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây /*The member is dismissed in the following circumstances:*

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công/ *Failure to finish the assigned tasks, works;*

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên BKS quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty/ *Seriously or repeatedly violate the BOS members' obligations as stipulated in the Enterprise Law and the Company's Charter;*

c) Theo quyết định của ĐHĐCĐ/ *According to the decision of GMOS.*

5. BKS chỉ định một (01) thành viên là Trưởng ban. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm như sau/ *BOS must appoint one member as the Head of the Board. Head of BOS must be a professional accountant or auditor. Head of BOS has the following authorities and responsibilities:*

a) Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng BKS/ *To convene the meeting of BOS.*

b) Yêu cầu HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS/ *To request BOD, BOM and other senior executives to provide relevant information to report to BOS.*

c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để lên ĐHĐCĐ/ *To prepare and to sign the BOS' reports after consulting with BOD to present to GMOS.*

d) Chuẩn bị và ký Biên bản cuộc họp BKS và các nghị quyết khác/ *To prepare and to sign the BOS minutes and other decisions.*

e) Đại diện cho BKS họp với bên thứ ba/ *To work with third parties on behalf of BOS.*

f) Bỏ phiếu quyết định tại các cuộc họp xảy ra tình trạng phiếu bầu ngang nhau/ *To have decision vote at equal status ballots in the BOS meetings.*

g) Phối hợp làm việc cùng chủ tịch HĐQT/ *To coordinate with the Chairman of BOD.*

Điều 5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát/ Article 5. Appointment, dismissal of Board of Supervisors members

Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên BKS được thực hiện theo Điều 33 của Điều lệ Công ty và theo các nội dung cụ thể như sau/ *The appointment and dismissal of BOS members shall be implemented in accordance with Article 33 of the Company's Charter and with details as follows:*

1. Bãi nhiệm và miễn nhiệm đối với các thành viên BKS không còn tư cách thành viên BKS được quy định tại khoản 2,3,4 Điều 4 của Quy chế này hoặc Điều 33 của Điều lệ Công ty và được ĐHĐCĐ thông qua/ *Dismissal for the BOS member who does not meet requirements as described in Clause 2,3,4 Article 4 of this Regulation or Article 33 of the Company's Charter and it is approved by GMOS.*

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên/ *Shareholder who hold the voting shares for at least six consecutive months may gather their votes to nominate the candidates for BOS. Any shareholder or group of shareholder who hold from 5% to below 10% of total voting shares shall be entitled to nominate one candidate; from 10% to below 30% shall be entitled to nominate two members; from 30% to below 40% shall be entitled to nominate four members; from 40% to below 50% shall be entitled to nominate four members; from 50% to below 60% shall be entitled to nominate five members.*

3. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử phải được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử/ *If the number of candidates for BOS through nomination and candidacy is not sufficient, the current BOS may nominate more candidates or hold a nomination meeting. The candidate must be clearly announced and approved by GMOS prior to the nomination.*

4. Các thành viên của BKS do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế/ *Members of BOS are appointed by GMOS with the term of maximum five years and can be re-elected at the next GMOS without any limitation in term of office.*

Điều 6. Đánh giá và nâng cao năng lực hoạt động của Ban Kiểm soát/ Article 6. Evaluation and developing the operating ability for Board of Supervisors members.

1. Đánh giá hoạt động thành viên Ban kiểm soát/ *The BOS members's activities evaluation:*

- Việc đánh giá hoạt động thành viên BKS được thực hiện thông qua các hình thức sau/ *The BOS members's activities evaluation is conducted as follows:*

+) *Thành viên BKS tự đánh giá; và/ The BOS members self-evaluation; and*

+) *Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên BKS với sự phối hợp của đơn vị thứ ba. Bên thứ ba có thể là cố vấn pháp lý hoặc đơn vị tư vấn chuyên nghiệp được chọn theo từng thời điểm cụ thể/ Mutual confidential evaluation between a member of BOS and in coordination with third parties. Third parties may be legal advisor or the professional consulting company and are selected from time to time.*

- Việc đánh giá phải được thực hiện ít nhất một năm một lần/ *The evaluation must be conducted at least once per year.*

- Phương pháp đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp đặc biệt của BKS để đánh giá công tác của BKS hoặc dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá/ *The evaluation method is implemented through the special meeting of BOS or by spending time in a regular meeting to evaluate the activities of BOS members.*

- Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ bảo mật tại Công ty/ *Evaluation records will be kept at the Company with highest confidentiality.*

2. Nâng cao năng lực hoạt động của Ban kiểm soát/ *Improving the operating effectiveness of BOS.*

- *BKS cần tổ chức, phân công công việc để nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên/ BOS organize, assigns a task to the BOS members for improving the operating effectiveness of BOS;*
- *Tiếp cận kiến thức cập nhật về quản trị công ty được tổ chức bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý khác/ Accessing the knowledge on corporate governance update organized by the State Securities Commission and other regulators;*
- *Nâng cao nhận thức về các vấn đề đạo đức nghề nghiệp và giá trị nền tảng của việc quản trị công ty hiệu quả/ Developing the awareness of ethics and the fundamental values of the effective corporate governance;*

CHƯƠNG III. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT/

CHAPTER III. OBLIGATION, RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF BOARD OF SUPERVISORS

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát/ Article 7. Rights and responsibilities of Board of Supervisors

BKS có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cụ thể như sau/ *Board of Supervisors has the rights and responsibilities as stipulated in Article 165 of the Enterprise Law and the Company's Charter, including:*

1. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập/ *Giving suggestion on appointing independent auditing companies, auditing fees and matters relating to the resignation or dismissal of an independent auditing company.*
2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu làm việc kiểm toán/ *Discussing with independent auditors on the scope and nature of the audit prior to the beginning of the auditing work.*
3. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn trao đổi/ *Discussing the problems shortcomings identified in the results of the interim or final audits as well as issues raised by independent auditors.*
4. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của TGD Công ty/ *Examining the management letters from independent auditors and feedback from BOM.*
5. Giám sát việc thay đổi tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên độc lập có nguyên nhân từ sự bất đồng về kiểm toán hoặc kế toán/ *Supervising the change of the independent auditing company, independent auditors caused by disagreement on auditing or accounting matters.*
6. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết/ *Seeking advice from independent professional auditors or legal consultants with appropriate experience and qualifications, and ensuring the participation of these external experts in the business of the Company if necessary.*
7. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT/ *Checking the annual, half-year and quarterly statements before submitting them to BOD.*
8. Kiểm tra tình hình tài chính Công ty, đặc biệt là về khả năng thanh toán, tính thanh khoản của tài sản, và khả năng thanh toán các khoản nợ/ *Examining the financial statements of the Company, particularly in solvency, liquidity of assets, and debts settlement ability.*
9. Xem xét sự không nhất quán giữa các thảo luận và phân tích của Ban TGD, thông điệp của Chủ tịch HĐQT và các báo cáo tài chính đi kèm trong báo cáo thường niên của Công ty/ *Examining the inconsistency in the discussions and analysis of BOD, BOM, a foreword from the chairman and the financial statements in the Company's annual report.*
10. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận/ *Examining the reports of the Company about the IC systems before getting the approval of BOD.*
11. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban TGD và các cán bộ quản lý khác/ *Examining the results of internal investigation and feedback from BOM and other senior executives.*
12. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình/ *Holding responsibilities to shareholders on the monitoring activities.*
13. Có thể thành lập Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban kiểm soát. Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm trước BKS/ BOS may establish IA which is under supervision of BOS. The IA shall be responsible to BOS.
14. Đưa ra đề xuất hoặc soạn thảo một bản đề xuất trình lên HĐQT liên quan đến việc thành lập Kiểm toán nội bộ, các quy chế hoặc động của Kiểm toán nội bộ, bổ nhiệm, tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các thành viên kiểm toán nội bộ/ *Proposing to BOD the establishment of the IA, the IA's regulation, the appointment, reappointment, or dismissal IA members.*
15. Yêu cầu và nhận thông tin liên quan đến các đối tượng có liên quan và soát xét giao dịch với các đối tượng có liên quan/ *Requesting and receiving information of the related parties and review transactions with related parties.*
16. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGD, các cán bộ quản lý khác; sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và Cổ đông/ *Supervising the financial*

position of the Company, the legitimacy of the activities of BOD members, BOM members and other senior executives; the coordination between BOS and BOD, BOM and shareholders.

17. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của thành viên HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả/ *In case of identifying a breach of law or a breach of the Charter, BOS must notify in writing to BOD within 48 hours and request the person who has the breach to terminate the breach and to have the solution to resolve the consequences.*

18. Kiểm tra các vụ việc theo đơn, thư tố giác (nếu có) hay các đề nghị của các cổ đông, người lao động và các bên có quyền lợi liên quan của Công ty/ *Examining cases of the petition, letters of denouncement (if any) or suggestion of shareholders, employees and parties with related interests in the Company.*

19. Rà soát nhằm đảm bảo ĐHCĐ/ HĐQT đã phê duyệt tất cả hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, cán bộ quản lý cao cấp hoặc những người có liên quan đến họ hoặc Công ty/ doanh nghiệp mà Người quản lý doanh nghiệp hoặc người có liên quan của họ sở hữu trên 10% vốn điều lệ như quy định tại điều 159 của Luật Doanh nghiệp/ *Reviewing to ensure that GMOS/ BOD has approved all contracts and transactions between the Company with one or more members of BOD, BOS, BOM, senior executives or their related person or a company/ an enterprise in which the senior executives or their related person own more than 10% of the charter capital as stipulated in Article 159 of the Enterprise Law.*

20. Thành viên BKS có trách nhiệm bảo mật đối với những thông tin có được từ các tài liệu được quyền tiếp cận theo Điều 14 của Quy chế này, các quy định về bảo mật thông tin của Công ty và các văn bản pháp luật khác. Công ty có thể áp dụng cơ chế ký kết thoả thuận bảo mật thông tin đối với từng thành viên BKS/ *A BOS members shall have the responsibility to keep confidentiality of information obtained from the documents of which access is granted as described in Article 14 of this Regulation, the Company's regulations on informations confidentiality and other legal requirements. The Company can apply the rules of signing confidentiality agreements for each BOS members.*

Điều 8. Trách nhiệm của BKS đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty/ Article 8: Responsibilities of Board of Supervisors on internal control system

1. Chỉ đạo, điều hành KTNB thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống KSNB, quy trình quản lý rủi ro, hệ thống thông tin quản lý và báo cáo tài chính, các quy trình nghiệp vụ và các quy định nội bộ, các giao dịch với các đối tượng có liên quan/ *Directing and operating the IA to conduct independent and objective review and assessment of IC system, risk management process, information technology system and financial reports, business and internal regulations and transactions with related parties.*

2. Định kì thông báo HĐQT, Ban TGD về hệ thống KSNB; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống KSNB/ *Notifying to BOD and BOM about the IC system; making recommendations to improve the IC system.*

3. BKS cùng với HĐQT, Ban TGD đề ban hành các nghị quyết, quyết định quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty/ *BOS and BOD, BOM issue the regulations in accordance with law and ensure their best effect to the Company.*

4. BKS theo dõi giám sát Ban TGD thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế do HĐQT ban hành và chế độ pháp luật Nhà nước. Thông qua kiểm tra giám sát phát hiện các nội dung không phù hợp của nghị quyết, quyết định, quy chế để trao đổi với HĐQT biết để ra các giải pháp khắc phục/ *BOS supervises BOM to implement the regulations and decisions issued by BOD and as regulated by law. Through the supervision, BOS identifies the inappropriate contents of regulations and decisions to discuss with BOD about the solutions.*

CHƯƠNG IV. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT/ CHARTER IV. OPERATION

Điều 9. Họp định kỳ Ban kiểm soát/ Article 9: Board of Supervisors' meeting

1. BKS phải họp tối thiểu (04) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai 2/3 số thành viên BKS/ *BOS must meet at least four (04) times per year and the minimum number of members attending the meeting is 2/3 of BOS members.*

2. Chủ tọa cuộc họp là Trưởng BKS vắng mặt thì các thành viên tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa/ *The Chairperson of the BOS meeting shall be the Head of BOS, in case the Head of BOS is absent, all the members attending the meeting shall elect a person to be the chairperson.*

3. Mỗi thành viên BKS có 01 quyền biểu quyết, khi biểu quyết tại cuộc họp hoặc biểu quyết qua email; kết luận của BKS sẽ được thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết đồng ý. Khi biểu quyết qua email, các thành viên BKS có trách nhiệm phản hồi ý kiến trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được email/ *Each BOS member is entitled for one vote when voting at the BOS meeting or when voting by email; the BOS' conclusion is approved when it receives majority of votes. In case of voting by email, the BOS members have the responsibility to feedback within 05 (five) days from the email receipt date.*

Điều 10. Biên bản họp của Ban kiểm soát/ Article 10: Minute of Broad of Supervisors

1. Cuộc họp BKS phải được ghi chép chi tiết, rõ ràng và đầy đủ vào Biên bản họp. Biên bản họp BKS được tất cả các thành viên BKS và thư ký tham dự cuộc họp ký tên. Biên bản họp BKS có thể được lấy ý kiến thông qua thư điện tử trước, việc chấp thuận các nội dung Biên bản họp của các thành viên BKS qua thư điện tử phải được lưu lại bằng chứng và Biên bản họp này phải được ký bổ sung trong kỳ họp tiếp theo. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS/ *The BOS meeting must be recorded in detail, clearly and completely in the minutes of the meeting. The BOS minutes are signed by all BOS members and a meeting secretary. The minutes of BOS can be consulted by email in advance, the approval of the BOS minutes by email must be recorded and these minutes must be signed in the next meeting session. The minute of meetings must be kept to determine the responsibility of each BOS member.*

2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Ban TGD và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm/ *BOS has the right to request the members of BOD, BOM and representatives of the independent auditing company to attend the BOS meeting and to discuss the issues that BOS members are interested in.*

Điều 11. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Ban kiểm soát/ Article 11: Salaries and other benefits of Broad of Supervisors

1. Thành viên BKS được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo đề nghị của HĐQT và được phê duyệt bởi ĐHĐCĐ tại đại hội thường niên hàng năm./ *BOS members shall receive salaries and other benefits under the recommendation BOD and formally approved by GMOS at the annual meeting.*

2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được HĐQT/ĐHĐCĐ chấp thuận/ *BOS members shall have the reasonable cost of accommodation, meals, traveling, and independent consultancy services covered. The total salary and cost must not exceed the annual budget of BOS, which is approved by BOD/GMOS.*

Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát/ Article 12: The Broad of Supervisors report

1. Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ phải tối thiểu có các nội dung sau/ *The report on the activities of BOS submitted to GMOS must have at least the following contents:*

- Hoạt động của BKS/ *Activities of BOS;*
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS/ *Summary of the meetings and decisions of BOS,*
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty/ *Results of the monitoring of operating and financial activities of the Company;*
- Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Bộ máy quản lý/ *Results of the supervision of BOD, BOM members and other Company's senior executives;*

- Báo cáo sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT. Bộ máy Ban điều hành và cổ đông/ *Report on the cooperation between the BOS and BOD, BOM and shareholders.*

2. Báo cáo hoạt động của BKS phải đảm bảo/ *The report on BOS activities must ensure:*

- Có đủ chữ ký của tất cả các thành viên BKS/ *Has signatures of all BOS members.*

- Trường hợp người không ký vào báo cáo sẽ phải giải trình lý do không ký vào báo cáo hoặc báo cáo phải thể hiện được người không ký đó/ *Any BOS member who does not sign the report must explain the reasons or the report must reflect the member who did not sign it.*

CHƯƠNG V. CÁC MỐI QUAN HỆ, QUY TRÌNH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT/

CHAPTER V. RELATIONSHIPS, THE PROCEDURE OF BOARD OF SUPERVISORS

Điều 13. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát/ Article 13: Relationships of Board of Supervisors

1. Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông/ *Relating to General Meeting of Shareholders BKS báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của ĐHĐCĐ/ BOS reports to GMOS the results of regular or irregular inspection and supervision at the request of GMOS.*

2. Quan hệ với Hội đồng Quản trị/ *Relating to Board of Directors*

- HĐQT chịu sự giám sát của BKS trong việc quản lý Công ty/ *BOS supervises BOD in managing the Company.*

- HĐQT có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/ *BOD is responsible to provide completely and on time the information about management and operating business of the Company.*

- BKS kiến nghị và đề xuất với HĐQT để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các trách nhiệm về tài chính/ *BOD recommends and proposes to BOD to promptly handle and rectify the violations, omission in the Company's activities, especially in finance.*

- Khi nhận được kết quả kiểm tra của BKS, HĐQT sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. BKS theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của HĐQT/ *Upon the receipt of results of the supervision, BOD shall consider to make conclusions and decisions. BOS monitors the implementation of the BOD's conclusions and decisions.*

- Đối với việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan, BKS sẽ giám sát việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan của BGD/ *For the approval of contract and transactions with related parties, BOS shall supervise the BOD's approval for contacts and transactions with related parties.*

3. Quan hệ với Ban Tổng Giám đốc/ *Relating to Board of Management*

- Ban TGD chịu sự giám sát của BKS trong việc quản lý và điều hành Công ty/ *BOM is under the supervision of BOS in managing and operating the Company.*

- Ban TGD chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị thuộc Công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của BKS/ *BOM directs the related departments/ boards to provide the information, documents and to explain their activities upon BOS's request.*

- Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Ban TGD gửi tới HĐQT các báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch, kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt thì đồng thời chuyển cho BKS một bản để làm cơ sở kiểm soát/ *On a monthly, quarterly and yearly basis, BOM sends to the BOD reports on the assessment results of business activities, schedules of implementation of the approved plan, recommendations for improvement of the IC system to achieve the approved plan, and also sends a copy to BOS as the basis for supervision.*

- Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm soát, BKS kiến nghị đề xuất với Ban TGD để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Based on the supervision results, BOS recommends BOM to have solution for violations or omissions in Company's activities.*

- Khi nhận được kết quả kiểm tra, Ban TGD sẽ xem xét để đưa ra kết luận và kiến nghị xử lý. BKS theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Ban TGD /*Upon the receipt of the supervision results, "BOM considers the conclusion and recommendation to handle the results. BOS keeps track the execution of the conclusion and decision of BOM.*

- Ban TGD bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của BKS, cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của BKS tham gia cũng đoàn kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết/ *BOM shall arrange the necessary equipment and facilities for the operation of BOS appoint a qualified personnel according to the requirements of BOS to join the supervision team when necessary.*

4 .Quan hệ với các Phòng, Ban, bộ phận điều hành, tác nghiệp/ *Relating to the Company's Departments and Boards:*

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của BKS/ *Providing sufficient information, documents and facilities for the inspection and the audit work at the request of BOS.*

- Phụ trách các Phòng, Ban được kiểm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐQT về tính đầy đủ trung thực và hợp pháp của các tài liệu cung cấp cho BKS/ *The in-charges of the departments or the boards in which the audit is being conducted shall be held responsible to the law and to BOD on the completeness, truthfulness and legality of the documents provided to BOS.*

- Phụ trách các Phòng, Ban phải xác nhận đối với biên bản kiểm tra do BKS lập, ghi rõ ý kiến của Đơn vị đối với những ý kiến nhận xét, kiến nghị của BKS/ *The in-charges of the departments or the boards must certify the inspection report prepared by BOS and give the opinion of the department/board on the recommendations of BOS.*

-Thực hiện các kết luận và chỉ đạo của HĐQT trên cơ sở báo cáo của BKS đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt/ *Performing the conclusions and directions of BOD based on the BOS report of BOS which is approved by Chairman of BOD.*

- Phụ trách các Phòng, Ban có trách nhiệm thông báo cho BKS khi phát hiện có các sai phạm, rủi ro, thất thoát về tài sản tại đơn vị mình/ *The in-charges of the departments or the boards are responsible to inform BOS when detecting any violations, risks or property losses at their units.*

- Hàng quý và năm Ban KSNB của Công ty có trách nhiệm gửi cho BKS về tổng hợp nội dung kiểm tra, kiểm soát được thực hiện trong kỳ, các kiến nghị, đề xuất (nếu có) nhằm ngăn ngừa và khắc phục các vi phạm/ *On a quarterly and yearly basis, the IC Board shall send to BOS the summary of examination and recommendation (if any) to prevent and to resolve the violations.*

5. Quan hệ với Kiểm toán nội bộ/ *Relating to the Internal Audit*

- Trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động và chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động của KTNB/ *Directing operating and supervising the operation and taking the main responsibility for ensuring the quality of LA's operation.*

- Kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hoạt động KTNB. Việc kiểm tra, đánh giá hiện thực hiện định kỳ hàng năm/ *Examining and evaluating the effectiveness of IA activities. The evaluation is performed annually.*

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế, kế hoạch hoạt động của KTNB trình HĐQT phê duyệt/ *Establishing, amending and supplementing the Regulation, action plan of IA to submit to BOD for approval.*

- Nhận kết quả đối với các hoạt động kiểm toán nội bộ/ *Collecting the results of IA activities.*

- Ban KTNB thực hiện việc kiểm soát các giao dịch có liên quan theo các bước thể hiện tại Điều 13 của Quy chế này/ *IA Board performs audit on transactions with related parties by procedures as described in Article 13 of this Regulation.*

- Đảm bảo phối hợp có hiệu quả giữa kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập/ *Ensuring an effective coordination between IA and the independent auditor*

Điều 14: Quy trình, thủ tục kiểm soát xung đột lợi ích/ Article 14: Process, procedures for the control of conflict of interests

1. Yêu cầu các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và các cán bộ quản lý cao cấp kê khai lợi ích và người có liên quan như quy định tại điều 159 và 162 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Bản kê khai gửi về cho Ban KTNB theo dõi và lưu trữ/ *Requiring members of BOD, BOS, BOM and senior executives to declare the interests and related parties as stipulated in Article 159 and 162 of the Enterprise Law and the Company's Charter. The declaration is sent to IA Board to be monitored and stored.*

2. Kiểm soát nhằm đảm bảo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng dưới đây phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt, các đối tượng này bao gồm/ *Controlling to ensure that contracts and transactions between the Company and the following parties must be approved by GMOS or BOD, including:*

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ theo quy định tại điều 34 khoản 6 Luật Chứng khoán/ *Shareholders and authorized representative of shareholders that own more than 10% of ordinary shares of the Company and their related persons based on point 34 Article 6 in Securities Law.*

- Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và những người có liên quan của họ/ *Members of BOD, BOS, BOM and their related persons.*

- Doanh nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp/ *Enterprises mentioned in Clause 2, Article 159 of the Enterprise Law.*

3. Căn cứ theo danh sách người có liên quan do người nội bộ Công ty (căn cứ theo quy định của Luật Chứng khoán) cung cấp, các Phòng, Ban nghiệp vụ, chức năng của Công ty thông báo tất cả các giao dịch có liên quan cho ĐHCĐ/ HĐQT để phê duyệt theo các quy định cụ thể của HĐQT, Điều lệ Công ty hoặc theo các quy định của pháp luật khác/ *Based on the list of related persons provided by executive officers (according to the Securities Law), the related departments/ boards of the Company shall notify all related transactions to GMOS/BOD for approval according to the specific regulations of BOD, the Company Charter or other laws.*

4. Thư ký HĐQT lưu trữ hồ sơ liên quan đến các hợp đồng, giao dịch cần phải được ĐHCĐ/HQĐT phê duyệt nhằm đảm bảo tính pháp lý của các giao dịch/ *The secretary of BOD keeps a record of all contracts and transactions which need be approved by GMOS or BOD to ensure the legality of the transactions.*

5. BKS có thể kiểm tra định kỳ/ đột xuất hoặc đề nghị KTNB thực hiện kiểm tra định kỳ/ đột xuất việc đệ trình và phê duyệt đối với các giao dịch với các đối tượng có liên quan giữa các Phòng, Ban và HĐQT nếu xét thấy cần thiết/ *BOS could examine regularly aregularly or request IA examine regularly/ irregularly the submitting and approval of all contracts, transactions between the Company and related parties if necessary.*

6. Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan mà chưa được ĐHCĐ/ HĐQT biểu quyết phê duyệt hoặc theo yêu cầu của ĐHCĐ/ HĐQT sẽ được chuyển qua rà soát bởi BKS để cung cấp thêm ý kiến nếu xét thấy cần thiết/ *All the contacts, transactions with related parties which aren't approved by GMOS/BOD or as GMOS/BOD requests, will be examined by BOS for having more assessment if necessary.*

Điều 15: Bảo mật thông tin/ Article 15: Confidentiality

1. Các thành viên BKS xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên BKS với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật theo quy định của Công ty và các quy định pháp luật/ *BOS members handle all information and documents obtained within the scope of work of BOS carefully and maintain their confidentiality in accordance to the Company's regulations and related laws.*

2. Các thành viên BKS không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin, các văn bản tài liệu của Công ty, hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài; trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật/ *BOS members shall not disclose, publish or provide third parties with information or documents of the Company, or information not yet disclosed by the Company, except as required by law.*

3. Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ của Công ty, các quy định nội bộ của Công ty. Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật/ *BOS members are responsible to maintain*

the information confidentiality in accordance to the Company's Charter the Company's internal regulations, this Regulation and other related laws.

CHƯƠNG VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN/ CHAPTER VI. IMPLEMENTATION

Điều 16: Tổ chức thực hiện/ Article 16. Implementation

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký/ *This Regulation takes effect from the signature date.*
2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng/ *In case of conflict between the Regulation and the Company's Charter on the same subject, the provisions of Company Charter shall prevail.*
3. Các thành viên HĐQT BKS, Ban TGD và các bộ phận, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này/ *Members of BOD, BOS, BOM and related departments, boards and individuals are responsible for the implementation of this Regulation.*